

CÔNG TY TNHH VÀ ĐẦU TƯ AN NGỌC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VÀ ĐẦU TƯ AN NGỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN NGOC INVESTMENT AND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN NGOC INVESTMENT AND CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109668356

3. Ngày thành lập: 11/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 266 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913000627

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn tổng hợp	4690
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
7.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
8.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
9.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
12.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;	2829
13.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ Loại nhà nước cấm)	3250
14.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

15.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
16.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
17.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
19.	Bán buôn đồ uống	4633
20.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
21.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
23.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
25.	Bán buôn thực phẩm	4632
26.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (trừ thuốc lá ngoại)	4634
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;	4669
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
33.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
35.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
36.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
37.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
41.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
42.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
43.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
44.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
45.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
46.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
47.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
48.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
49.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
50.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
51.	Khai thác và thu gom than non	0520
52.	Khai thác quặng sắt	0710

53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Sản xuất rượu vang	1102
55.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
56.	Sản xuất sợi	1311
57.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
61.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: - Kinh doanh vận tải biển quốc tế - Kinh doanh vận tải biển nội địa	5011
62.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch	5021
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá ngoại)	4711
64.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thuốc lá ngoại)	4724
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
68.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
69.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

71.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
72.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
73.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
75.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
78.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662(Chính)
80.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789
82.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
83.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
84.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
85.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định	4929
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
87.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4782
88.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

89.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Kinh doanh vận tải biển quốc tế - Kinh doanh vận tải biển nội địa	5012
90.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
91.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
92.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu).	4773
94.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
95.	Xây dựng nhà để ở	4101
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
97.	Xây dựng nhà không để ở	4102
98.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa	5022
99.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
101.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
102.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
104.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
105.	Xây dựng công trình điện	4221
106.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
107.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
108.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (trừ thuốc lá ngoại)	4781
109.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

110.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
111.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Môi giới thương mại - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);	7490
112.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
113.	Cho thuê xe có động cơ	7710
114.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
115.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TẠ THU NGÂN	Việt Nam	Số 266 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.500.000.000	90,000	001196000070	
2	TẠ HỮU THUỘC	Việt Nam	Số 22 Hàng Tre, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	10,000	027064000206	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ HỮU THUỘC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/04/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027064000206

Ngày cấp: 10/10/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 22 Hàng Tre, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 22 Hàng Tre, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội